TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2020.
Về việc: "*Tranh chấp về Ly hôn; Nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cẩu;

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 463/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc "*Tranh chấp về ly hôn; Nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Viên Ngọc Y, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: khu phố P, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

(Vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, đã tống đạt hợp lệ; Trong đó, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Viên Ngọc Y và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau*: Chị Viên Ngọc Y sống chung với anh Trần Văn T từ năm 2013, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân phường B (giấy đăng ký kết hôn số 23 ngày 13/3/2014). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn mà uống rượu bê tha bỏ mặc vợ con không chăm lo, mặc dù rất nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả, đến năm 2015 thì anh Trần

Văn T đã bỏ về quê sinh sống và đã ly thân cho đến nay. Vợ chồng chung sống có 01 con gái tên Trần N, sinh ngày 19/3/2014 và từ khi sống ly thân đến nay con sống với chị Viên Ngọc Y.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Viên Ngọc Y yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T; Về con chung chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, chị Viên Ngọc Y có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

* *Về phía bị đơn anh Trần Văn T thì*: Toà án đã nhiều lần gửi Thông báo đến gia đình nhằm tạo điều kiện hoà giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh T đã vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Trần Văn T có nơi cư trú tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Hiện tại anh T không thường xuyên có mặt tại địa phương, những Thông báo của Tòa án gửi thì gia đình đều ký nhận nhưng đều không có mặt. Vì vậy, Tòa án đã thông qua Thừa phát lại thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để mở phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Viên Ngọc Y đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với anh Trần Văn T từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Y xin được ly hôn với anh T. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời anh Trần Văn T để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Viên Ngọc Y là được ly hôn với anh Trần Văn T.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Chị Viên Ngọc Y thừa nhận cháu Trần N, sinh ngày 19/3/2014 là con chung của chị và anh Trần Văn T và giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện điều này, do đó cần công nhận cháu Nhã Thy là con chung của chị Y và anh T, đồng thời phía chị Viên Ngọc Y có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung nữa thì cháu Nhã Thy đã sống chung với chị Y và vì là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ; Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Viên Ngọc Y là được tiếp tục nuôi cháu Trần N. Ngoài ra, phía chị Viên Ngọc Y không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Viên Ngọc Y có yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Viên Ngọc Y là được ly hôn với anh Trần Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 13/3/2014 do Uỷ ban nhân dân phường B (thị xã Dĩ An, Bình Dương) cấp không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:* Giao cháu Trần N sinh ngày 19/3/2014 cho chị Viên Ngọc Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Nhã Thy đang sống chung với chị Y); Chị Viên Ngọc Y phải tạo điều kiện cho anh Trần Văn T được thăm nom và chăm sóc con.

* *Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

* *Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Chị Viên Ngọc Y phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0006624 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên chị Viên Ngọc Y đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- UBND phường Tân Bình;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà